



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng - MH1104236

Mã lớp học phần: 25111MH110423601 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Vĩnh Phước - (04091)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1				
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	An	10	Mười	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	Bao	8	Tám điểm	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	Bao	9	Chín điểm	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	Dieu	10	Mười	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	Duy	10	Mười	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	Dat	9	Chín điểm	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	Gia	10	Mười	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	Han	8	Tám điểm	
10	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	Khiem	7	Bảy điểm	
11	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	Khoa	10	Mười	
12	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	Khoi	8	Tám điểm	
13	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	Lam	10	Mười	
14	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	Nhi	10	Mười	
15	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	Nhut	10	Mười	
16	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	Tan	10	Mười	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	Thao	10	Mười	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	Thao	9	Chín điểm	
19	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	Thuan	10	Mười	
20	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	Thu	10	Mười	
21	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	Truc	8	Tám điểm	
22	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	Truong	8	Tám điểm	
23	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	Tu	10	Mười	
24	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	Uyen	6	Sáu điểm	
25	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	Vy			

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 23 vắng thi: 02. Số bài thi: 23 / 25.

Ngày 3 tháng 10 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hoa

Ngày 2 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Vĩnh Khương



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng - MH1104236

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110423601 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Vĩnh Phước - (04091)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	An	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu	An	09/10/2005	C26LG1				
2	2410150015	Nguyễn Nhật	An	18/10/2006	C26LG1	<i>Chn</i>	8	<i>Tám chẵn</i>	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc	Bảo	14/05/2006	C26LG1	<i>Bao</i>	8	<i>Tám chẵn</i>	
4	2410150016	Lê Trần Gia	Bảo	14/08/2006	C26LG1	<i>Bao</i>	8	<i>Tám chẵn</i>	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc	Diệu	22/10/2006	C26LG1	<i>Ngoc</i>	7	<i>Bảy chẵn</i>	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	C26LG1	<i>nhuc</i>	10	<i>Mười</i>	
7	2410150004	Nguyễn	Đạt	29/7/2006	C26LG1	<i>Phi</i>	8	<i>Tám chẵn</i>	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng	Gia	09/01/2005	C26LG1	<i>Bao</i>	9	<i>Chín chẵn</i>	
9	2410150022	Trần Gia	Hân	26/08/2006	C26LG1	<i>Tran</i>	6	<i>Sáu chẵn</i>	
10	2410150030	Nguyễn Thanh	Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<i>Thuc</i>	7	<i>Bảy chẵn</i>	
11	2410150021	Lê Bá Đăng	Khoa	18/12/2006	C26LG1	<i>Phuc</i>	7	<i>Bảy chẵn</i>	
12	2410150023	Phạm Anh	Khôi	23/10/2006	C26LG1	<i>ty</i>	8	<i>Tám chẵn</i>	
13	2410150013	Võ Thị Kiều	Lam	20/11/2006	C26LG1	<i>Bao</i>	7	<i>Bảy chẵn</i>	
14	2410150011	Phạm Thị Yến	Nhi	22/09/2006	C26LG1	<i>ty</i>	7	<i>Bảy chẵn</i>	
15	2410150020	Lê Hữu	Nhật	19/10/2005	C26LG1	<i>Phuc</i>	7	<i>Bảy chẵn</i>	
16	2410150024	Nguyễn Minh	Tấn	02/05/2006	C26LG1	<i>Tan</i>	7	<i>Bảy chẵn</i>	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc	Thảo	27/10/2006	C26LG1	<i>Phi</i>	8	<i>Tám chẵn</i>	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch	Thảo	31/10/2006	C26LG1	<i>Phi</i>	7	<i>Bảy chẵn</i>	
19	2410010013	Ngô Thiên	Thuận	10/11/2006	C26LG1	<i>Thuc</i>	8	<i>Tám chẵn</i>	
20	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003	C26LG1	<i>Alm</i>	9	<i>Chín chẵn</i>	
21	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005	C26LG1	<i>Thuc</i>	9	<i>Chín chẵn</i>	
22	2410150010	Nguyễn Đăng	Trường	12/10/2003	C26LG1	<i>Phi</i>	8	<i>Tám chẵn</i>	
23	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006	C26LG1	<i>Thuc</i>	7	<i>Bảy chẵn</i>	
24	2410150006	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	23/04/2006	C26LG1	<i>Xli</i>	6	<i>Sáu chẵn</i>	
25	2410150017	Phạm Ngọc Đan	Vy	23/08/2006	C26LG1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 02 . Số bài thi: 23 / 25 .

Ngày. 3...tháng 10 năm... 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Loan

Ngày. 2...tháng 10 năm... 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Vĩnh Thuận



QUẢN TRỊ ĐOÀN NGHIỆP
RUỘNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : **Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng - MH1104236**

Mã lớp học phần: **25111MH110423601** Số tín chỉ: **3**

Giảng viên giảng dạy: **Nguyễn Vĩnh Phước - (04091)**

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		10	Mười	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		10	Mười	
4	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2				
5	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2				
6	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		9	Chín chẵn	
7	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		6	Sáu chẵn	
8	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2				
9	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2				
10	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
11	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		7	Bảy chẵn	
12	2410150056	Trần Vũ Thanh Phong	19/04/2006	C26LG2		7	Bảy chẵn	
13	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		7	Bảy chẵn	
14	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		8	Tám chẵn	
15	2410150053	Lâm Bảo Trọng	15/05/2006	C26LG2				
16	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		8	Tám chẵn	
17	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		10	Mười	
18	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		9	Chín chẵn	
19	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		10	Mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 8 . Số bài thi: 12 / 19 .

Ngày 3 tháng 10 năm 2025

Ngày 2 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Nguyễn Vĩnh Phước

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng - MH1104236

Mã lớp học phần: 25111MH110423601 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Vĩnh Phước - (04091)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên	Anh	28/05/2006	C26LG2		10	Mười	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150031	Thị Cẩm	Giang	04/11/2006	C26LG2		8	Tám chẵn	
4	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức	Hòa	24/05/2006	C26LG2				
5	2410100011	Phan Văn	Khải	21/10/2005	C26LG2				
6	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc	Khánh	10/09/2006	C26LG2		8	Tám chẵn	
7	2410150039	Trần Hoàng Bảo	Luân	18/06/2006	C26LG2		6	Sáu chẵn	
8	2410150038	Nguyễn Thành	Luông	06/03/2006	C26LG2				
9	2410150036	Võ Thị Như	Ngọc	10/06/2006	C26LG2				
10	2410150050	Phan Yến	Nhi	20/12/2005	C26LG2				
11	2410150045	Nguyễn Phan Minh	Nhật	30/08/2006	C26LG2		6	Sáu chẵn	
12	2410150056	Trần Vũ Thanh	Phong	19/04/2006	C26LG2		6	Sáu chẵn	
13	2410150032	Danh Thị Hồng	Thái	24/07/2006	C26LG2		8	Tám chẵn	
14	2410150047	Đặng Thị Mỹ	Tiên	22/05/2005	C26LG2		7	Bảy chẵn	
15	2410150053	Lâm Bảo	Trọng	15/05/2006	C26LG2				
16	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh	Trúc	25/12/2006	C26LG2		7	Bảy chẵn	
17	2410170040	Nguyễn Khánh	Vi	18/12/2004	C26LG2		9	Chín chẵn	
18	2410160018	Nguyễn Thị Kiều	Vi	20/08/2006	C26LG2		6	Sáu chẵn	
19	2410150033	Lê Nguyễn Như	Ý	17/02/2006	C26LG2		8	Tám chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 7 . Số bài thi: 12 / 19 .

Ngày: 3 tháng 12 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 2 tháng 12 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Vĩnh Phước

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng - MH1104236

Giám thị 1: Cao Thế Oanh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110423601 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Vĩnh Phước

Giám thị 3: Châu Lê Sơn

Ký tên: 

Ngày thi: 05/11/2025

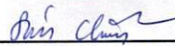
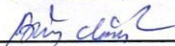
Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006		1	5,5	Năm phẩy năm	C26LG1	
2	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006		1	5,5	Năm phẩy năm	C26LG2	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006		1	6,0	Sáu chẵn	C26LG1	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006		1	5,0	Năm chẵn	C26LG1	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006		1	5,5	Năm phẩy năm	C26LG1	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004		1	8,0	Tám chẵn	C26LG1	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006		1	7,0	Bảy chẵn	C26LG1	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005		1	5,0	Năm chẵn	C26LG1	
9	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006		1	5,5	Năm phẩy năm	C26LG2	
10	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006		1	5,5	Năm phẩy năm	C26LG1	
11	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006		1	5,5	Năm phẩy năm	C26LG2	
12	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006		1	6,0	Sáu chẵn	C26LG1	
13	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006		1	6,5	Sáu phẩy năm	C26LG1	
14	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006		1	6,5	Sáu phẩy năm	C26LG1	
15	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006		1	8,0	Tám chẵn	C26LG1	
16	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006		1	5,0	Năm chẵn	C26LG2	
17	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006		1	5,0	Năm chẵn	C26LG1	
18	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005		1	4,0	Bốn chẵn	C26LG1	
19	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhật	30/08/2006		1	3,0	Một chẵn	C26LG2	
20	2410150056	Trần Vũ Thanh Phong	19/04/2006		1	5,0	Năm chẵn	C26LG2	
21	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006		1	7,0	Bảy chẵn	C26LG1	
22	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006		1	6,5	Sáu phẩy năm	C26LG1	
23	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006		1	8,0	Tám chẵn	C26LG1	
24	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006		1	8,1	Tám phẩy năm	C26LG2	
25	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006		1	7,0	Bảy chẵn	C26LG1	
26	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003		1	5,5	Năm phẩy năm	C26LG1	
27	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005		1	5,0	Năm chẵn	C26LG2	
28	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006		1	4,0	Bốn chẵn	C26LG2	
29	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005		1	5,0	Năm chẵn	C26LG1	
30	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003		1	5,5	Năm phẩy năm	C26LG1	
31	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006		1	7,0	Bảy chẵn	C26LG1	
32	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006		1	3,5	Ba phẩy năm	C26LG1	
33	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004		1	6,5	Sáu phẩy năm	C26LG2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006		1	60		C26LG2	
35	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006		1	80		C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 34 vắng thi: 01. Số bài thi/Số tờ: 33+1/ 34.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày. 14 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa.

Ngày. 14 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Dũng

TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ BẮC